

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2024

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Công Trọng và bà Đinh Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX - ST ngày 30/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thúy D, sinh năm 1997. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm C, xã V, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1981. Vắng mặt (Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Ô, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ nơi tạm trú và làm việc: Trường Trung học phổ thông L; xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thúy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 23/10/2019. Tuy nhiên, hai bên gia đình chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và cũng chưa gặp mặt nhau lần nào. Sau khi kết hôn, anh H vẫn ở trong nhà công vụ của Trường trung học phổ thông L, còn chị do công việc nên thường xuyên ăn, ngủ tại quán S tóc gần trường, thỉnh thoảng buổi tối vào nhà công vụ nơi anh H ở. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc tuy có những mâu thuẫn, cãi vã nhưng không ảnh hưởng quá nhiều đến

cuộc sống của hai vợ chồng. Trong thời gian chung sống, hai lần chị có thai ngoài tử cung đều phải mổ dẫn đến khó khăn về kinh tế. Chị phải nghỉ salon tóc để đi làm tại Hà Nội sau đó là Bắc Ninh. Trong thời gian chị đi làm thì giữa năm 2022 hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Một phần nguyên nhân mâu thuẫn do chênh lệch tuổi tác dẫn đến tâm sinh lý, suy nghĩ của hai vợ chồng không đồng nhất. Đặc biệt là sau hai lần mổ thai ngoài tử cung thì việc có con tự nhiên là rất khó nhưng khả năng kinh tế để can thiệp bằng y học thì không có dẫn đến hai vợ chồng không thống nhất được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, những cuộc cãi vã xảy ra nhiều hơn. Sự bất đồng trong suy nghĩ khiến cả hai không hoà hợp được. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, không còn tình cảm và khó có thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Duy H.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải, bị đơn anh Nguyễn Duy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thúy D kết hôn ngày 23/10/2019 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy cuộc sống hôn nhân đôi khi phát sinh mâu thuẫn nhưng sau đó hai bên thống nhất bỏ qua để tiếp tục chung sống. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị D đi làm tại Bắc Ninh chứ không phải hai vợ chồng sống ly thân. Đến tháng 3/2023, vợ chồng anh sống ly thân cho đến nay. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện nhưng chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thúy D. Xử cho chị Bùi Thúy D ly hôn anh Nguyễn Duy H.

Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Bùi Thúy D và anh Nguyễn Duy H kết hôn ngày 23/10/2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Chị D đề nghị được ly hôn, anh H mong muốn được đoàn tụ.

Tài liệu chứng cứ chị Bùi Thúy D nộp tại Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Bùi Thúy D và anh Nguyễn Duy H, đăng ký ngày 23/10/2019 (bản chính); căn cước công dân mang tên Bùi Thúy D và Nguyễn Duy H (bản sao); giấy xác nhận thông tin cá nhân số 114/GXN-THPTLV ngày 19/9/2023 của Trường trung học phổ thông L (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thúy D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Duy H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Ô, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ nơi tạm trú và làm việc: Trường Trung học phổ thông L; xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 28/02/2024, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt hợp lệ đến các đương sự. Ngày 04/3/2024, anh Nguyễn Duy H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thúy D và anh Nguyễn Duy H kết hôn ngày 23/10/2019 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thúy D: Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị D, anh H, kết quả cho thấy hoàn toàn phù hợp với lời

khai của chị D. Chị Bùi Thúy D và anh Nguyễn Duy H có đăng ký kết hôn nhưng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nên nhà trường nơi anh H công tác, chính quyền địa phương nơi cư trú không biết là hai vợ chồng. Bên cạnh đó, hai bên gia đình anh H và chị D chưa gặp mặt nhau lần nào. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được thời gian ngắn tuy nhiên không tập trung một nhà, anh H vẫn ở nhà công vụ của Trường trung học phổ thông L còn chị D thì ăn ở tại quán S, thỉnh thoảng mới vào nhà công vụ chỗ anh H ở. Tháng 8/2020 chị D đi làm ở Hà Nội sau đó là Bắc Ninh, vợ chồng không sống ly thân nhưng ít có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 3/2023 vợ chồng ly thân cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H mong muốn được đoàn tụ gia đình nhưng kể từ khi chị D làm đơn ly hôn, anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh H đề ngày 01/3/2024, anh thừa nhận vợ chồng sau thời gian đăng ký kết hôn đã có những rạn nứt không thể hàn gắn nên thuận tình ly hôn. Xét thấy, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì hôn nhân chỉ làm khổ nhau. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thúy D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Chị Bùi Thúy D và anh Nguyễn Duy H chưa có con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thúy D và anh Nguyễn Duy H không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Bùi Thúy D và anh Nguyễn Duy H không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị Bùi Thúy D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thúy D. Xử cho chị Bùi Thúy D ly hôn anh Nguyễn Duy H.

2. Về án phí: Chị Bùi Thúy D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thúy D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000614 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 23/10/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Hữu Doanh